

ĐẶC TRƯNG RIÊNG BIỆT CỦA NGÔN NGỮ MẠNG TIẾNG TRUNG QUỐC

Nguyễn Quang Hưng, Đinh Thu Hoài*, Đỗ Thị Cẩm Vân†*

Email: hungnguyen_888@yahoo.com.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/05/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 30/05/2023

DOI: 10.59266/houjs.2023.251

Tóm tắt: Sự xuất hiện của mạng internet tại Trung Quốc vào giữa thập niên 90 của thế kỉ trước đã mở ra một thời kì mới trong đời sống văn hóa xã hội của đất nước gần 1.4 tỷ dân này - thời đại về công nghệ thông tin. Rất nhiều những sản phẩm văn hóa mới, tư duy mới, khái niệm mới đã được sinh ra, và “ngôn ngữ mạng” là một trong số những khái niệm mới của thời đại đó. Có thể nói ngôn ngữ mạng là một tập hợp ngôn ngữ đặc biệt, nó gắn bó mật thiết với sự phát triển của mạng internet. Nói theo một cách khác, ngôn ngữ mạng được sáng tạo, sử dụng và truyền bá luôn được xuất phát từ môi trường mạng internet. Gần hai mươi năm hình thành và phát triển, tập hợp ngôn ngữ mạng tiếng Hán đã hình thành một khối lượng khá đồ sộ, chúng trở thành một dạng ngôn ngữ giao tiếp phi chính thống được sử dụng phổ biến không những trên mạng Internet mà còn ở giao tiếp trong đời sống hàng ngày. Với những đặc tính riêng biệt, những hàm ý sâu sắc, những câu chuyện văn hóa chứa đựng đằng sau lớp vỏ ngôn ngữ thô kệch, thậm chí là phi chuẩn, tập hợp ngôn ngữ mạng tiếng Hán ngày càng được giới nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ của Trung Quốc quan tâm. Ngôn ngữ mạng tiếng Trung Quốc có những đặc trưng riêng biệt như dùng từ viết tắt và ký hiệu nhiều, sử dụng các cụm từ và các câu ngắn gọn, dễ hiểu, thường sử dụng từ ngữ lóng và từ ngữ đặc trưng của giới trẻ. Ngôn ngữ mạng thể hiện sự đa dạng về cách thể hiện cảm xúc và cá tính của giới trẻ, đồng thời ngôn ngữ mạng cũng phản ánh rõ nét những hiện tượng và sự kiện xã hội đã và đang diễn ra tại Trung Quốc.

Từ khóa: Ngôn ngữ mạng, hình thành, đặc trưng, Trung Quốc

I. Đặt vấn đề

Khái niệm ngôn ngữ mạng có nghĩa là tất cả các loại ngôn ngữ liên quan đến mạng, bao gồm thuật ngữ chuyên môn về mạng như trang chủ, cửa sổ, hộp thoại, đăng nhập và truy cập, các từ thông dụng

khi sử dụng mạng, cũng như các từ mới và biểu tượng cảm xúc trên mạng (hay gọi là icon cảm xúc).

Khái niệm ngôn ngữ mạng trong nghĩa hẹp là các từ và cụm từ mà người dùng mạng sử dụng để trò chuyện và tương

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

† Trường Đại học Mở Hà Nội

tác trên internet, bao gồm các nền tảng mạng xã hội, diễn đàn và phòng chat trực tuyến. Ngôn ngữ mạng này không chỉ gồm các từ tiêu chuẩn như từ xưng hô, từ chỉ hành vi và tình trạng, mà còn bao gồm các ngôn ngữ “phi chuẩn” được sáng tạo và phát triển trong quá trình giao tiếp trên mạng.

Sự xuất hiện của ngôn ngữ mạng thường là ngẫu nhiên và được dân mạng sử dụng rộng rãi. Tại Trung Quốc, hàng năm đều có những thống kê về số lượng từ ngữ mới xuất hiện trên mạng ví dụ như năm 2007 Sina - một trang mạng lớn của Trung Quốc đã thu thập và thống kê được 423 ngôn ngữ mạng mới. Trong 423 từ ngữ mạng mới ấy đã có những từ được lựa chọn vào “Từ điển Tân Hoa” - từ điển chính thống và có uy tín nhất của Trung Quốc, và tất nhiên một số lượng từ ngữ mạng cũng bị mất đi, bị đào thải theo thời gian. Sự tồn vong của những từ ngữ mạng này dựa vào đặc tính cấu tạo của từ ngữ mạng và có liên quan mật thiết đến ngữ cảnh sinh ra và mức độ lan truyền của nó.

Ngôn ngữ mạng được rất nhiều nhà nghiên cứu Trung Quốc quan tâm, hàng năm đều có những thống kê chính thống và không chính thống về số lượng và ngữ cảnh hình thành của ngôn ngữ mạng và cũng có nhiều từ điển và sách viết loại hình ngôn ngữ này. Ban đầu, các nhà nghiên cứu thường phản đối với lý do rằng ngôn ngữ mạng không tuân thủ các quy tắc, quy phạm của ngôn ngữ chuẩn mực, và không được đánh giá cao, vậy nên có nhiều ý kiến phản đối ngôn ngữ mạng và cho rằng cần loại bỏ thứ ngôn ngữ này để giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ chính thống.

Tuy nhiên, hiện nay, xã hội và một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ đã bắt đầu quan tâm hơn đến ngôn ngữ mạng, cho thấy một sự chuyển biến nội tại trong nhận thức, từ thái độ phản đối sang lưu tâm nghiên cứu. Gần đây, đã có những từ điển tập hợp các từ ngữ mạng được xuất bản, ví dụ như "Từ điển mạng Anh-Hán" (Nhà xuất bản Văn hiến khoa học kỹ thuật Thượng Hải, năm 2002), "Từ điển mạng Anh-Hán Mới" (Nhà xuất bản Công nghiệp Quốc Phòng, năm 2006), "Từ điển ngôn ngữ mạng Tân Hoa" (Nhà xuất bản Thương vụ, năm 2012), "Từ điển mới của mạng" (Nhà xuất bản Thế giới mới, năm 2012) và những ấn phẩm khác. Điều này cho thấy sự quan tâm đến ngôn ngữ mạng. Mỗi năm, cư dân mạng Trung Quốc thường tổng kết những từ ngữ, câu nói thịnh hành trong năm và lan truyền loại ngôn ngữ mạng này qua các trang mạng chính thống và phi chính thống không những chỉ để giải trí mà thông qua bảng xếp hạng những từ ngữ mạng thông dụng nhất trong năm để có cái nhìn bao quát hơn về xã hội, sự kiện và xu hướng sử dụng ngôn ngữ trong thời điểm hiện tại. Từ ngữ mới sẽ được sàng lọc bởi cộng đồng, và nếu phù hợp, chúng sẽ tìm được vị trí trong hệ thống ngôn ngữ đang tồn tại, ngược lại, chúng sẽ bị loại bỏ theo thời gian.

Các từ mới khi được sáng tạo sẽ phải trải qua một quá trình chọn lọc của cộng đồng. Nếu chúng thích hợp và có khả năng thích nghi, các từ sẽ được chấp nhận và được đưa vào "hệ thống ngôn ngữ" hiện tại. Ngược lại, nếu không phù hợp, các từ sẽ bị loại bỏ theo thời gian.

II. Cơ sở lý thuyết

Thế kỷ 21 - thời đại công nghệ thông tin bùng nổ trên toàn thế giới, Trung Quốc đương nhiên cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó. Những công nghệ mới, hiện tượng mới nối tiếp nhau ra đời. Ngôn ngữ mạng có thể coi là một hiện tượng ngôn ngữ mới đã ra đời trong hoàn cảnh đó. Sự hình thành của ngôn ngữ mạng hoàn toàn phụ thuộc trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật của mạng internet, chúng là những từ, cụm từ, câu nói được tạo ra bởi sự tương tác qua lại trên môi trường mạng internet giữa các cá nhân, nhóm người hay tổ chức.

Không chỉ là nền tảng cơ sở để hình thành ngôn ngữ mạng tiếng Hán, mạng internet còn là môi trường để hiện tượng ngôn ngữ này sản sinh và phát triển. Cụ thể hơn, việc sử dụng mạng internet đã kích thích cư dân mạng Trung Quốc sáng tạo và “nhào nặn” ra những ngôn ngữ phục vụ cho nhu cầu giao tiếp theo dạng “mỳ ăn liền” và tương tác ảo thuở sơ khai trên mạng internet. Cư dân mạng Trung Quốc thấy thỏa mãn với việc cải tạo câu chữ, sử dụng từ đồng âm khác nghĩa, chữ số, thậm chí phá vỡ các qui tắc chuẩn mực của ngôn ngữ chính thống trong quá trình giao tiếp và tương tác trên mạng. Vì thế, có thể khẳng định rằng, nếu không có sự phát triển mạng mẽ của công nghệ thông tin trên thế giới nói chung và ở Trung Quốc nói riêng, ngôn ngữ mạng tiếng Hán chưa chắc đã được đón nhận, chưa chắc được sử dụng rộng rãi chứ chưa nói đến việc được biết đến và quan tâm nghiên cứu như bây giờ.

Sự ra đời của mạng internet đã thay đổi hoàn toàn phương thức giao tiếp mặt

đối mặt của mọi người trong xã hội, thay đổi hoàn toàn cách con người sử dụng các thiết bị điện tử. Điều này đồng nghĩa với việc mọi qui phạm về chuẩn mực đạo đức và phạm vi hoạt động của mọi người đều không bị giới hạn bởi bất kì yếu tố vật lý thời gian không gian nào. Trong môi trường giao tiếp trên mạng, quan hệ giữa con người với con người trở nên lỏng lẻo, các yếu tố ngoài đời thực như tên, tuổi, giới tính đều trở nên mơ hồ hoặc không xác định, ở một chừng mực nào đó, dường như bất kể một ai cũng đều có thể tự do phát ngôn, không tuân theo cứ khuôn phép nào. Các cá thể tham gia sử dụng mạng internet đều bình đẳng như nhau, không chịu ràng buộc bởi địa vị xã hội thực tế. Với những yêu điểm kể trên, mạng internet được xem như là một môi trường hoàn toàn tự do, thoải mái, bình đẳng để ngôn ngữ mạng phát triển và truyền bá.

Yếu tố tâm lý

Theo số liệu của trung tâm internet Trung Quốc, hơn 90% người sử dụng mạng đối tượng trẻ, nằm trong độ tuổi thanh thiếu niên, trình độ văn hóa của người sử dụng mạng chủ yếu tập trung ở bậc trung học phổ thông và đại học. Có thể nói độ tuổi và trình độ văn hóa người sử dụng mạng tại Trung Quốc đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ mạng tiếng Hán. Bản thân thanh thiếu niên là một độ tuổi đặc biệt, tâm lý thích những cái mới lạ, luôn muốn vượt ra ngoài các khuôn phép gò bó; thứ hai đa phần người dùng mạng trong độ tuổi là học sinh, sinh viên, khả năng nhận thức tiếp thu cái mới vô cùng nhanh nhạy. Mà trong khi đó chuộng cái mới, nhanh chán cái cũ là bản năng của con người, tâm lý hướng tới sự khác biệt, theo đuổi sự biến

hóa, chạy theo cái mới của người sử dụng ngôn ngữ thường được xem như là một nguyên nhân dẫn đến biến đổi từ vựng. Trong “社会语言学”(Ngôn ngữ học xã hội), nhà nghiên cứu Chen Yuan đã cũng nhận định rằng: Hoàn cảnh đặc thù của cuộc sống xã hội hiện nay khiến một số người không thể sử dụng hoặc không hài lòng với việc sử dụng ngôn ngữ thông thường (dạng nói hoặc viết) để làm phương tiện giao tiếp, thay vì đó họ thường dùng những ký hiệu gây ấn tượng (hoặc kích thích) trực tiếp đến các giác quan cảm nhận của con người để thay thế ngôn ngữ với mục đích khiến cho chúng phản ứng một cách tức thời, trực tiếp và hiệu quả.

III. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, người viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để thu thập và phân tích các tài liệu có liên quan đến ngôn ngữ mạng. Từ đó, tiến hành đưa ra được các thông tin về lịch sử phát triển, đặc điểm và ứng dụng của ngôn ngữ mạng trong đời sống. Đồng thời, áp dụng phương pháp xử lý thông tin để phân tích các dữ liệu liên quan đến ngôn ngữ mạng, từ đó đưa ra được số liệu thống kê và các tính chất đặc trưng của ngôn ngữ mạng.

Trong quá trình nghiên cứu, có sử dụng phương pháp phân tích để chia nhỏ, phân loại và đánh giá các thông tin thu thập được từ tài liệu và dữ liệu, từ đó đưa ra được các kết luận và nhận định về ngôn ngữ mạng.

Tổng hợp các kết quả phân tích, bài viết đưa ra được những thông tin về nguồn gốc, tính chất và ứng dụng của ngôn ngữ mạng trong đời sống hiện đại, để có được cái nhìn tổng quan và sâu sắc về đặc trưng, xu hướng phát triển và đặc trưng riêng của nó.

IV. Nội dung nghiên cứu

4.1 Nguyên nhân hình thành và phát triển của ngôn ngữ mạng

4.1.1 Yếu tố văn hóa

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa không thể tách rời, chúng ta sẽ không thể hiểu và đánh giá đúng được mối quan hệ này nếu không hiểu về cái kia (Sapir, 1991). Ngôn ngữ và văn hóa đan xen nhau, không thể tách rời, và cả hai đều phụ thuộc lẫn nhau để phát triển. Hơn nữa, Allwright Baily (1991) cho rằng, học một ngoại ngữ mới cũng đồng nghĩa với việc học một nền văn hóa mới. Điều này có nghĩa là giáo viên ngoại ngữ cũng là giáo viên văn hóa (Byram, 1989).

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa là mối quan hệ tương tác qua lại, hỗ trợ lẫn nhau để cùng phát triển. Ngôn ngữ là một phần của văn hóa và tư duy là phương tiện chuyển tải kiến thức. Điều này cho thấy việc tìm hiểu bối cảnh văn hóa, tư duy của xã hội đương đại là cách nhanh nhất để hiểu được nguyên nhân hình thành và phát triển của một nhóm ngôn ngữ trong một thời kì nhất định.

Trong nghiên cứu này, đối tượng nghiên cứu chính là ngôn ngữ mạng tiếng Hán. Để hiểu về lý do phát triển của ngôn ngữ này, cần tìm hiểu sâu hơn về tình hình văn hóa xã hội Trung Quốc hiện đại, bao gồm sự xuất hiện của chủ nghĩa hậu hiện đại đi kèm với văn hóa đại chúng. Những sự thay đổi trên đã có ảnh hưởng lớn đến văn hóa xã hội Trung Quốc từ khi cải cách mở cửa được áp dụng đến nay.

Chủ nghĩa hậu hiện đại ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa xã hội Trung Quốc

Chủ nghĩa hậu hiện đại là một xu hướng văn hóa đương đại xuất hiện tại

phương Tây từ những năm 60 của thế kỉ trước. Chủ nghĩa này nổi bật lên bởi việc khời xướng tư tưởng từ chối sự khách quan của sự thật. Chủ nghĩa hậu hiện đại nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ, quyền lực, và động cơ thúc đẩy. Đặc biệt, nó phản đối việc sử dụng sự phân loại rõ ràng của giới tính, định kiến đồng tính, sắc tộc, tôn giáo hay cấp bậc chủng tộc.

Sau hai thập kỉ hình thành và phát triển, chủ nghĩa hậu hiện đại đã bắt đầu được áp dụng vào xã hội Trung Quốc vào những năm 80 của thế kỉ XX. Chủ nghĩa này được áp dụng thực hiện sau khi Trung Quốc cải cách mở cửa, dẫn đến mức độ tiếp nhận và tư duy về chủ nghĩa hậu hiện đại của người dân Trung Quốc ngày càng cao. Trong thực tế xã hội, những thái độ và suy nghĩ phản biện nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh đã trở nên phổ biến. Văn hóa xã hội Trung Quốc theo chiều hướng đa nguyên hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa và được phát triển sâu sắc dưới sự ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại. Chủ nghĩa này khuyến khích sự đổi mới giá trị và phá vỡ việc truyền bá một chiều trên phạm vi toàn cầu, góp phần thay đổi cả ngôn ngữ lẫn suy nghĩ của người dân Trung Quốc.

Sự du nhập của văn hóa đại chúng mở ra một thời kì mới trong xã hội Trung Quốc - thời kì văn hóa giải trí

Văn hóa đại chúng hay văn hóa phổ thông là tập hợp những ý tưởng, suy nghĩ, hành động, hình ảnh và các hiện tượng khác lan truyền phổ biến mà không tuân theo một thủ tục quy định của một nền tư tưởng văn hóa nhất định nào đó. Điều này đặc biệt phổ biến trong văn hóa phương

Tây từ đầu đến giữa thế kỷ 20 và đã lan rộng sang toàn thế giới vào cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21. Văn hóa này có ảnh hưởng mạnh mẽ từ các phương tiện truyền thông đại chúng và lan tỏa vào cuộc sống hàng ngày của xã hội.

Văn hóa đại chúng được tạo ra do sự phát triển của quá trình sản xuất và tiêu thụ theo cơ chế thị trường, sự tiến bộ và phát triển của phương tiện truyền thông, đô thị hóa và đời sống chính trị dân chủ. Điều này dẫn đến việc đối tượng chính của nền văn hóa này là đại bộ phận dân chúng và được truyền tải thông qua các phương tiện như sách, báo, truyền hình, internet...

Vào cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80, văn hóa đại chúng mới đầu du nhập vào Trung Quốc, nhưng đến thập niên 90 thì văn hóa đại chúng mới thực sự phát triển mạnh mẽ. Giải trí và tiêu dùng là hai đặc điểm nổi bật của văn hóa đại chúng, và nó đã dần đánh bật văn hóa truyền thống và tinh hoa ra khỏi vị trí dẫn đầu. Vào thế kỉ 21, với ảnh hưởng của văn hóa tiêu dùng và ăn uống nhanh, giải trí đã trở thành đặc điểm nổi bật và phổ biến trong xã hội Trung Quốc. Mạng internet là ví dụ điển hình cho điều này, có hàng loạt từ ngữ và cụm từ đang xuất hiện tràn lan với các hình thái ngôn ngữ khác nhau. Những ngôn ngữ này không tuân thủ các qui chuẩn và giá trị chuẩn mực vốn có mà chỉ nhằm mục đích tạo sự vui vẻ, thoải mái và giải trí. Những ngôn ngữ này đã coi bỏ mọi ràng buộc tinh thần áp lực của người dân Trung Quốc, giải phóng bất kỳ cảm xúc và áp lực nào khiến họ bị kiềm chế trong quá khứ. Chính tất cả những điều

này đã dẫn dắt và đưa người dân Trung Quốc tiến vào một thời đại giải trí “điên cuồng”, bất chấp mọi qui tắc, đảo lộn mọi giá trị tưởng như được xây dựng vĩnh cửu trước đó. Ví dụ như “一个臭皮匠，弄死三个诸葛亮” (tạm dịch: một tên thợ da đánh chết ba Gia Cát Lượng), Gia Cát Lượng vốn là một nhân vật trong lịch sử cổ đại Trung Hoa, một nhà quân sư lỗi lạc, một trí tuệ hơn người nhưng nhân vật này lại bị người dùng mạng dùng để đối tượng chọc cười, đặt cạnh “tên thợ da thối” và từ “đánh chết” với hàm ý là trí tuệ của “ba Gia Cát Lượng” gộp lại không bằng một tên thợ da thối”; một ví dụ tương tự “长江后浪推前浪，前浪死在沙滩上” (tạm dịch: trên dòng Trường Giang, sóng sau đẩy sóng trước, sóng trước chết trên sa mạc), vốn dĩ câu gốc là của nhà văn Lí Ngao: “长江后浪推前浪，一代新人胜旧人” (tạm dịch: trên dòng Trường Giang, sóng sau đẩy sóng trước, người sau giỏi hơn người trước, tre già măng mọc...), có thể thấy rõ cư dân mạng Trung Quốc đã phá vỡ mọi qui tắc, “bốn cột” với văn hóa chính thống, sáng tạo ra những ngôn từ và cách biểu đạt đậm tính giải trí và ưa vui. Không bắt ngờ khi chúng ta nhận ra rằng, thời đại giải trí đại chúng đang dần dần đi sâu và thấm đẫm vào môi trường văn hóa đương đại của Trung Quốc, đồng thời cũng cung cấp cho tập hợp ngôn ngữ mạng một môi trường văn hóa để sinh sôi và phát triển.

4.1.2 Yếu tố kỹ thuật

Chúng ta đều biết, cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, tức là chỉ khi nào con người được thỏa mãn và

được đảm bảo về nhu cầu vật chất, thì khi đó những nhu cầu tinh thần mới được quan tâm, chú trọng. Ngôn ngữ mạng tiếng Hán sở dĩ được truyền bá rộng rãi, được nhiều người sử dụng internet đón nhận như ngày nay là bởi vì chúng được sinh ra dưới một nền tảng kỹ thuật tiên tiến, một môi trường internet phát triển.

Mạng internet tạo ra một môi trường phát triển vững chắc cho ngôn ngữ mạng tiếng Hán

Thế kỷ 21 - khi mà thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ trên thế giới, Trung Quốc đương nhiên cũng không nằm ngoài sự phát triển trên. Những công nghệ mới, hiện tượng mới nối tiếp nhau ra đời. Ngôn ngữ mạng có thể coi là một hiện tượng ngôn ngữ mới đã ra đời trong hoàn cảnh đó. Sự hình thành của ngôn ngữ mạng hoàn toàn phụ thuộc trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật của mạng internet, chúng là những từ, cụm từ, câu nói được tạo ra bởi sự tương tác qua lại trên môi trường mạng internet giữa các cá nhân, một số nhóm người có cùng điểm chung hay một tổ chức cụ thể nào đó.

Không chỉ là nền tảng cơ sở để hình thành ngôn ngữ mạng tiếng Hán, mạng internet còn là môi trường để hiện tượng ngôn ngữ này sản sinh và phát triển. Cụ thể hơn, việc sử dụng mạng internet đã kích thích cư dân mạng Trung Quốc sáng tạo và “nhào nặn” ra những ngôn ngữ để phục vụ cho nhu cầu giao tiếp theo dạng “mỳ ăn liền” và tương tác ảo thuở sơ khai trên mạng internet. Cư dân mạng Trung Quốc thấy thỏa mãn với việc cải tạo câu chữ, sử dụng từ đồng âm nhưng khác nghĩa, chữ

số, thậm chí phá vỡ các qui tắc chuẩn mực của ngôn ngữ chính thống trong quá trình giao tiếp và tiến hành tương tác với nhau bằng ngôn ngữ trên mạng. Vì thế, có thể nói rằng, nếu công nghệ thông tin không phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới và ở Trung Quốc cũng không nằm ngoài sự phát triển đó thì ngôn ngữ mạng tiếng Hán chưa chắc đã được đón nhận, chưa chắc được sử dụng rộng rãi chứ chưa nói đến việc được biết đến và quan tâm nghiên cứu như bây giờ.

Mạng internet tạo ra một môi trường tự do, bao dung với tất cả

Mạng internet đã thay đổi toàn bộ phương thức giao tiếp trực tiếp giữa mọi người trong xã hội và cách sử dụng các thiết bị điện tử. Điều này có nghĩa là không giới hạn bất kỳ chuẩn mực đạo đức nào và phạm vi hoạt động nào của từng cá nhân. Trong môi trường truyền thông trên mạng, quan hệ giữa con người với con người trở nên không chặt chẽ, các yếu tố như tên, tuổi, giới tính không rõ ràng và dẫn đến việc có thể tự do phát ngôn, không cần tuân theo bất kì khuôn phép hay chuẩn mực nào. Mọi cá nhân tham gia sử dụng mạng internet đều được coi là bình đẳng với nhau, không bị giới hạn bởi địa vị xã hội thực tế. Vì thế, mạng internet được xem là một môi trường tự do, thoải mái và bình đẳng và cá nhân hóa để phát triển và truyền bá ngôn ngữ mạng.

4.1.3. Yếu tố tâm lý

Theo thống kê của trung tâm internet Trung Quốc, hơn 90% người dùng mạng là những thành niên, độ tuổi chủ yếu từ 12 đến 25, độ tuổi này tập trung sử dụng mạng ở trình độ trung học phổ thông và

đại học. Nói chung, độ tuổi và học vấn của người dùng mạng tại Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành, phát triển và quảng bá của ngôn ngữ mạng tiếng Hán. Bản thân thanh thiếu niên là một độ tuổi đặc biệt, tâm lý thích những cái mới lạ, luôn muốn vượt ra ngoài các khuôn phép gò bó; thứ hai đa phần người dùng mạng trong độ tuổi là học sinh, sinh viên, khả năng nhận thức tiếp thu cái mới vô cùng nhanh nhạy. Mà trong khi đó chuộng cái mới, nhanh chán cái cũ là bản năng của con người, tâm lý hướng tới sự khác biệt, theo đuổi sự biến hóa, chạy theo cái mới của người sử dụng ngôn ngữ thường được xem như là một nguyên nhân dẫn đến biến đổi từ vựng. Trong “*社会语言学*” (Ngôn ngữ học xã hội), nhà nghiên cứu Chen Yuan đã cũng nhận định rằng: Hoàn cảnh đặc thù của cuộc sống xã hội hiện nay khiến một số người không thể sử dụng hoặc không hài lòng với việc sử dụng ngôn ngữ thông thường (dạng nói hoặc viết) để làm phương tiện giao tiếp, thay vì đó họ thường dùng những ký hiệu gây ấn tượng (hoặc kích thích) trực tiếp đến các giác quan cảm nhận của con người để thay thế ngôn ngữ với mục đích khiến cho chúng phản ứng một cách tức thời, trực tiếp và hiệu quả.

4.2. Các đặc trưng riêng biệt của ngôn ngữ mạng tiếng Hán

4.2.1. Kết cấu ngôn ngữ đa dạng

Trong ngôn ngữ mạng tiếng Hán, có nhiều từ và cụm từ được viết tắt, viết gọn. Như đã biết, chữ Hán là một trong những ký tự cổ nhất và chứa đựng nội dung văn hóa rất phong phú và sâu sắc. Mỗi một chữ

Hán đều biểu thị một hay nhiều ý nghĩa và chứa đựng nhiều nội hàm văn hóa dân tộc. Cư dân mạng Trung Quốc tận dụng triệt để những đặc trưng riêng biệt của chữ Hán để tiến hành giao tiếp trên mạng internet. Giao tiếp trực tuyến tốc độ cao và thuận tiện, được ví von như một dạng giao tiếp “mì ăn liền”, bởi vậy, họ ưu tiên sử dụng ngôn ngữ viết tắt và rút ngắn từ ngữ hơn. Ví dụ như năm 2014, mạng xã hội Trung Quốc sử dụng rộng rãi và bùng nổ cụm từ “Hi đại phổ bản”, cụm từ này là sự kết hợp của bốn chữ đầu tiên trong bốn thành ngữ tiếng Hán (âm Hán Việt là: tỷ văn lạc kiến, đại khoái nhân tâm, phổ thiên đồng khánh, bồn tảo tương cáo), đại ý là chỉ những tin vui cần phải được chia sẻ và cùng nhau ăn mừng. So với bốn thành ngữ kể trên, thì cụm từ viết tắt “Hi đại phổ bản” dễ nhớ và được sử dụng nhiều hơn rõ rệt.

Ngoài sự rút gọn về kết cấu, ngôn ngữ mạng Trung Quốc đôi khi còn xuất hiện những cụm từ phi qui chuẩn, không tuân thủ theo qui tắc ngôn ngữ thông thường. Ví dụ như cụm từ “被就业” (tạm dịch: được tìm việc làm), trong ngữ pháp tiếng Hán hiện đại “被” được xem là một động từ tình thái, đằng sau “被” phải là một động từ cập vật, trong khi đó “就业” (tìm việc) vốn dĩ là một hành động mang ý nghĩa chủ động, không có ý nghĩa bị động, hai cụm từ này không thể kết hợp với nhau nhưng lại được đặt cạnh nhau, tạo ra một hiệu ứng ngôn ngữ vừa mâu thuẫn nhưng cũng đầy hài hước, phản ánh thực trạng một bộ phận các trường cao đẳng đại học ở Trung Quốc chỉ vì muốn chạy theo thành tích mà tạo ra những số liệu không chính xác, yêu cầu những sinh viên sắp ra trường

chưa tìm được việc làm phải đánh dấu vào mục “đã tìm được việc làm”. Hiện tượng ngôn ngữ này cũng khá tương đồng với các cụm từ đã từng khá nóng trên mạng xã hội Việt Nam một thời: “bị đẹp trai”, “bị xinh gái”, “bị ngoan”...

4.2.2. Phương thức tu từ phong phú

Theo như nhóm nghiên cứu quan sát, không khó để phát hiện ra các phương thức tu từ được sử dụng rộng rãi để tạo ra các cụm từ “nóng” trên mạng xã hội Trung Quốc, phương thức tu từ phổ biến được cư dân mạng sử dụng như là lối chơi chữ, dùng từ đồng âm khác nghĩa, ẩn dụ, so sánh...trong đó lối chơi chữ và từ đồng âm khác nghĩa được cộng đồng mạng sử dụng nhiều hơn, như “河蟹” và “和谐”, “神马” và “什么” đều có vỏ âm thanh gần giống như nhau. Cách nói này khiến cho nội dung truyền đạt trở nên hài hước, gần gũi, có sức hấp dẫn mới lạ với người tiếp nhận thông tin. Trong một số trường hợp lối nói chơi chữ còn được cư dân mạng Trung Quốc sử dụng như một hình thức để nói giảm, nói tránh, luồn lách khỏi sự kiểm duyệt nghiêm ngặt về nội dung trên mạng internet của chính phủ nước này.

Ngoài ra, ẩn dụ cũng là một phương thức cũng được sử dụng tương đối phổ biến trong ngôn ngữ mạng Trung Quốc. Phương thức này cung cấp cho người thu nhận thông tin có một không gian tưởng tượng, liên tưởng phong phú, rất nhiều hiện tượng xuất hiện trong đời sống xã hội Trung Quốc thông qua phương thức này đã được biểu đạt, tái hiện một cách vừa lạ lẫm, vừa gần gũi mà cũng rấy sâu cay, tế nhị. Ví dụ như từ “蜗居” hay từ “蚁

族”trong tiếng Hán có nghĩa đen là “tổ ốc” và “tộc kiến”, những từ này được cư dân mạng sử dụng để miêu tả những căn nhà chung cư có diện tích vô cùng chật hẹp, chúng phản ánh phần nào thực trạng giá nhà đất cao ngất ngưởng tại những đô thị lớn của Trung Quốc, những người trẻ chỉ đủ tiền mua những căn nhà chung cư với diện tích vô cùng nhỏ.

4.2.3. Ngôn ngữ mang sắc thái tình cảm rõ nét.

Ngôn ngữ mạng in đậm màu sắc cá nhân và cảm tính chủ quan của cư dân mạng, thể hiện yêu ghét rõ ràng của cư dân mạng, mà trong đó chủ yếu là giới trẻ. Quay ngược về khoảng thời gian trước khi mạng internet xuất hiện tại Trung Quốc, chúng ta không khó để lí giải về đặc tính này. Trước kia, khi chưa có internet, đại bộ phận người dân, giới trẻ không có các phương thức để truyền đạt, bày tỏ quan điểm một cách rộng rãi và cởi mở như bây giờ, đa phần nhiều người luôn bị ảnh hưởng và gò bó bởi những qui định chặt chẽ của văn hóa chính thống trong cách phát ngôn và ứng xử, tuy nhiên sau khi internet và mạng xã hội phát triển rộng rãi tại Trung Quốc, những gò bó chật hẹp trước kia dường như bị phá bỏ, bất cứ ai cũng có thể lên mạng bày tỏ quan điểm, thể hiện tình cảm cá nhân trên mạng internet. Kể từ đây, ngôn ngữ mạng ngày càng chứa đựng nhiều sắc thái tình cảm, cảm xúc chủ quan của cá nhân. Cụm từ “不要迷恋哥，哥只是个传说” (tạm dịch: các em đừng yêu anh, anh chỉ là truyền thuyết) là một ví dụ tiêu biểu cho việc thể hiện tình cảm yêu thích bản thân đến mức

tột độ của giới trẻ, hay như cụm từ “我也是醉了” (tạm dịch: tôi ngất đây) lại là một biểu hiện cho sự bất lực, bó tay trước một sự việc, một hiện tượng khiến cho người ta cảm thấy phi lí và chán chường. Một ví dụ khác như là “这事儿不能说太细” (tạm dịch: việc này không thể nói kĩ được đâu) là sự mỉa mai châm biếm của cư dân mạng đối với việc không minh bạch, mập mờ trong thông tin của chính phủ đối với các vấn đề nhức nhối trong xã hội.

4.2.4. Ngôn ngữ mạng Trung Quốc mang đậm tính thời sự và phạm vi đề cập rộng rãi.

Ngôn ngữ mạng Trung Quốc như một tập hợp ghi chép mọi biến động của xã hội vô cùng đầy đủ và phong phú. Nhóm nghiên cứu trong quá trình quan sát các bảng xếp hạng ngôn ngữ mạng hằng năm của Trung Quốc, phát hiện ra rằng tập hợp ngôn ngữ này đều có dấu ấn phát triển của toàn xã hội Trung Quốc, bất kể là những biến động lớn của quốc gia hay những sự kiện nóng trong xã hội hay những vấn đề rất nhỏ trong đời sống sinh hoạt của người dân, tất cả đều được lột tả một cách sinh động và rõ nét trong tập hợp ngôn ngữ mạng. Các ví dụ phân tích ở các đặc tính trên ít nhiều đều đã thể hiện tính thời sự và phạm vi lan tỏa rộng rãi của ngôn ngữ mạng, vì thế ở đặc tính này nhóm nghiên cứu không đi sâu chi tiết phân tích ví dụ cụ thể.

V. Kết luận

Ngôn ngữ mạng là một sản phẩm tất yếu của thời đại Internet. Sử dụng ngôn ngữ mạng tiếng Hán trong giao tiếp dần dần không còn mới mẻ đối với chúng

ta. Ngôn ngữ mạng là tất cả các loại ngôn ngữ liên quan được truyền tải, lan truyền và sử dụng qua mạng Internet, bao gồm thuật ngữ chuyên môn, từ ngữ phổ biến, từ ngữ mới và cả các biểu tượng cảm xúc trên mạng (thường được gọi là icon cảm xúc). Ngôn ngữ mạng có thể được hiểu rộng hoặc hẹp. Ngôn ngữ mạng theo nghĩa hẹp là các từ sử dụng để giao tiếp trên internet, chẳng hạn như trên mạng xã hội, diễn đàn hoặc trong các cuộc trò chuyện trực tuyến. Những từ này không chỉ bao gồm các từ tiêu chuẩn như tiếng gọi, động từ và tính từ, mà còn bao gồm các từ ‘phi chuẩn’ được tạo ra và sử dụng trong quá trình giao tiếp trên mạng internet. Tập hợp ngôn ngữ mạng tiếng Hán đã hình thành một khối lượng khá đồ sộ, chúng trở thành một dạng ngôn ngữ giao tiếp phi chính thống được sử dụng phổ biến không những trên mạng Internet mà còn ở trong cuộc sống hằng ngày. Ngôn ngữ mạng mang những đặc tính riêng biệt, những hàm ý sâu sắc, những câu chuyện văn hóa chứa đựng đằng sau nó, tập hợp ngôn ngữ mạng tiếng Hán ngày càng được giới nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ của Trung Quốc quan tâm.

DISTINCTIVE FEATURES OF CHINESE NETWORK LANGUAGE

Nguyen Quang Hung[‡], Dinh Thu Hoai[‡], Do Thi Cam Van[§]

Abstract: *The emergence of the Internet in China in the mid-90s of the last century opened a new era in the socio-cultural life of this country of nearly 1.4 billion people - the information technology age. A lot of new cultural products, new thinking, and new concepts were born, and "network language" was one of the new concepts of that era. Network language is a special set of languages. It is closely associated with the development of the*

Tài liệu tham khảo:

[1]. 于根元, 中国网络语言词典, 中国经济出版社 (2001).

Ngô Căn Nguyên, Từ điển ngôn ngữ mạng Trung Quốc, Nxb kinh tế Trung Quốc (2011).

[2]. 沈孟璿, 新词新语词典, 四川辞书出版社(2005).

Thẩm Mạnh Oanh, Từ điển từ ngữ mới, Nxb Từ thư Tứ Xuyên (2005).

[3]. 王磊新, 华网络语言词典, 商务出版社 (2012),.

Hoàng Lỗi, Từ điển ngôn ngữ mạng Tân Hoa, Nxb Thương Vụ (2012).

[4]. 陈晓雷, 100年汉语新词新语大辞典, 上海辞书出版社, (2015).

Trần Hiểu Lôi, Đại từ điển ngôn ngữ mạng tiếng Hán trong 100 năm, Nxb Từ Thư Thượng Hải, (2015).

[5]. 马忠红, 网络那些词, 清华大学出版社, (2014).

Mã Trung Hồng, Từ ngữ mạng Tiếng Trung Quốc, Nxb Đại học Thanh Hoa, (2014).

[6]. 周小兵、朱其智, 对外汉语教学习得研究, 北京大学出版社 (2006).

[‡] VNU University of Languages and International Studies – VNU-ULIS

[§] Hanoi Open university

Internet. In other words, the network language created, used and propagated always comes from the internet environment. After nearly twenty years of establishment and development, the set of Chinese network languages has formed a rather large volume; they have become a form of informal communication language widely used not only on the Internet but also on the Internet in everyday life. With its distinctive characteristics, profound implications, and cultural stories contained behind the rough, even non-standard language cover, the set of Chinese network languages is increasingly sought after by cultural researchers. The Chinese Internet language has distinctive features such as the use of abbreviations and symbols, the use of short, easy-to-understand phrases and sentences, and the use of slang words and words typical of young people. Internet language shows the diversity of young people's ways of expressing emotions and personalities, and online language also clearly reflects social phenomena that have been taking place in China.

Keywords: *Network language, formation, features, Chinese.*